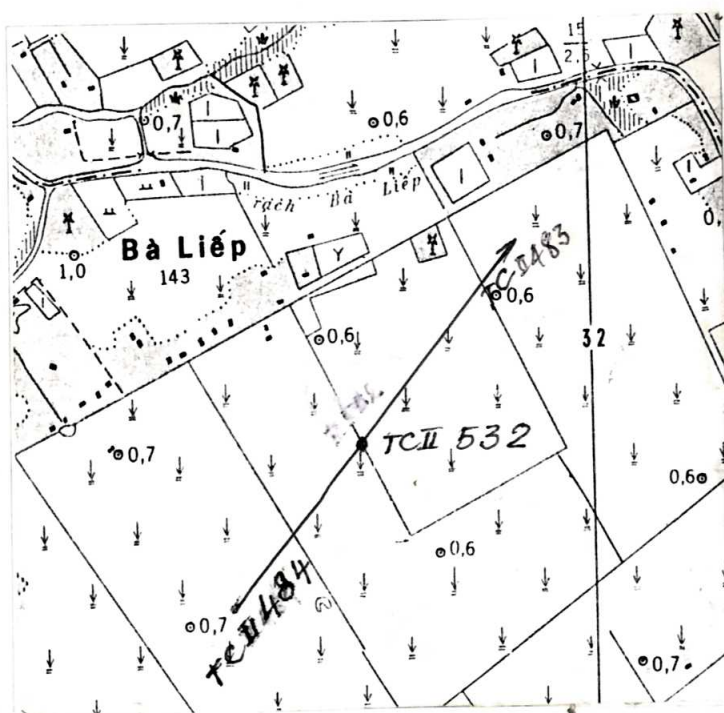


GHỊ CHÚ ĐIỂM TOạ ĐỘ

Tên điểm : Số hiệu : TC II- 532 Mảnh bản đồ : C-48-81-C-b
 Phương pháp đo : đường chuyền Cấp, hạng : ĐC II
 Trị giá khái lược : Độ cao : 0.9 m Kinh độ : 106 12 08
 Vĩ độ : 09 48 50

Loại đất : công Chất đất : thịt
 Nơi đặt mốc: Thôn (bản, làng) : Khóm 5 Xã (thị trấn) : Tiểu Cần
 Huyện : Tiểu Cần Tỉnh : Trà Vinh
 Nơi ở gần nhất : Khóm 5 Thị Trấn Tiểu Cần Khoảng cách tới điểm : 450 m
 Người chọn : Nguyễn Đức Tấn Đơn vị chọn : XN Phát Triển Công Nghệ TD - BD
 Ngày 28 tháng 03 năm 2000

Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng



Tỷ lệ : 1/10000

Số liệu đo mốc (mm)

Từ ván dọi điểm đến:	Lần 1	Lần 2	T. B	Chiều cao các tầng mốc
Đáy hồ				
Trung tâm mốc dưới				
Trung tâm mốc giữa				
Trung tâm mốc trên				
Mặt đất				
Mặt tường vẩy hoặc mặt đất sau khi đắp				

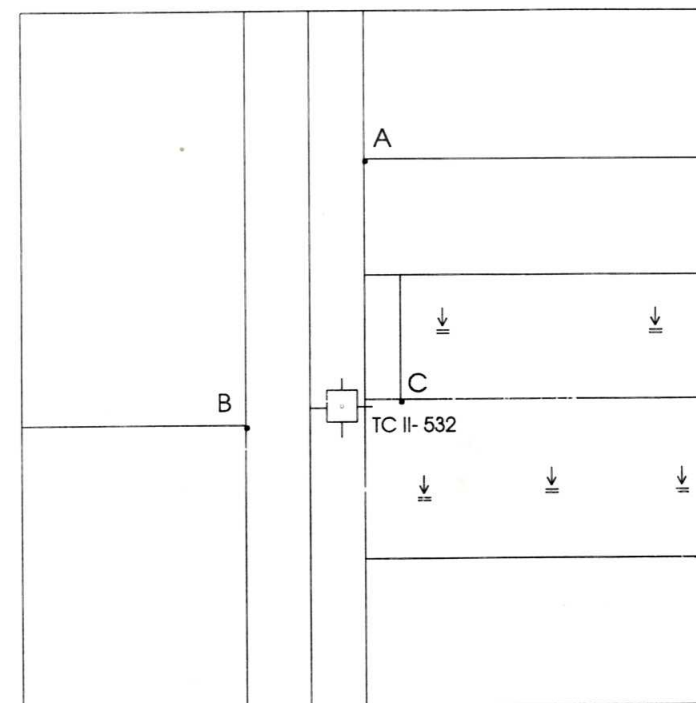
Điểm thông hướng :

(Tên, số hiệu, cấp hạng điểm liên quan mà từ một đất điểm trạm đo nhìn thông suốt tới điểm liên quan)

Điểm : TC I- 484
 TC II - 483

Họ, tên, địa chỉ người dẫn đường : Lâm Trúc Linh
 Cán bộ địa chính thị trấn Tiểu Cần

Sơ đồ vị trí điểm



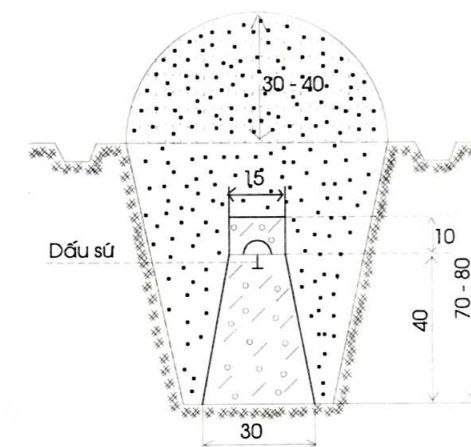
Tỷ lệ: 1/ 1000



Đơn vị chôn mốc :
 XN Phát Triển Công Nghệ TD- BD
 Người chôn mốc : Nguyễn Trường Xuân
 Loại mốc : chôn

Ngày 26 tháng 6 năm 2000

Hình vẽ mặt cắt mốc, tường vẩy (đơn vị cm)



V/c	Tên vật chuẩn	Hướng và khoảng cách từ mốc đến vật chuẩn (m)
A	Góc ruộng	Bắc 32.m.0
B	Góc ruộng	Tây 8.8m
C	Góc ruộng	Đông 1.8m

Điểm này: Tận dụng mốc cũ, gia cố, chôn trùng mốc

Tên điểm: Số hiệu: Cấp, hạng:

Điểm này đo nổi độ cao bằng : Đo cao lượng giác Cấp, hạng :

Đường đi đến điểm (đường ô tô, sắt, thủy, số KM): Từ thị trấn Tiểu Cần vào công viên theo đường đất đến nhà tập đoàn khóm 5 rẽ phải ra đồng hời ruộng Hai Bé và Thạch Lạ là đến điểm

Cơ quan gia cố mốc, tường vẩy, lập ghi chú điểm:

Ngày 20 tháng 06 năm 2000

Người làm ghi chú điểm
 Phạm Văn Huy

Ngày 10 tháng 07 năm 2000

Người kiểm tra
 Nguyễn Đức Tấn

TỔNG CỤC ĐỊA CHÍNH

GHI CHÚ ĐIỂM TOẠ ĐỘ

TÊN ĐIỂM :
SỐ HIỆU : TCII- 532
CẤP HẠNG : ĐCII

Năm 2000